

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản số: 06/2019/HS-ST

Ngày: 30 - 01 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiêu

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải D, sinh năm 1991 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKKHKT: Thôn M, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Th; có vợ và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 22/6/2016; danh bản, chỉ bản số 262 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 01/10/2018; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 24/9/2018; tạm giam: Không; có mặt.

2. Đoàn Việt T, sinh năm 1996 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKKHKT: Thôn M, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 261 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày

01/10/2018; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 29/9/2018; tạm giam: Không; có mặt.

3. Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKT: Thôn M, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh Đ và bà Phùng Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 263 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 01/10/2018; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 24/9/2018; tạm giam: Không; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Đức A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Phùng Văn L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Cao Thị L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm 3, thôn L, xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Hứa Thị S, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm H, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Trần Đức T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm D, xã V, huyện Th, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 21/9/2018, Công an huyện Đ kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ Q ở khu S, xã Đ, huyện Đ thì phát hiện và bắt quả tang Đoàn Việt T, Nguyễn Hải D, Nguyễn Văn C và một số người khác đang chuẩn bị cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng 402 của nhà nghỉ. Vật chứng thu giữ gồm có: 04 (bốn) viên nén hình tròn, màu vàng, đường kính mỗi viên khoảng 01cm, dày 03cm, một mặt in hình vương miện, mặt còn lại in dòng chữ Rolex; 01 túi nilon màu trắng trong, kích thước khoảng 2x3cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng; chất bột màu trắng đựng trong 01 đĩa sứ; 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu Hoa Việt, kích thước khoảng 2x10cm; 01 tờ tiền polime mệnh giá

20.000 đồng quần hình trụ tròn, dài khoảng 16cm và 02 đầu bọc bằng đầu lọc thuốc lá màu vàng, trắng.

Ngoài ra, thu trên người của Đoàn Việt T 01 ví giả da màu nâu, số tiền 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, vàng có sim số thuê bao 0989800961 và 01 thẻ nhựa màu xanh. Thu trên người Nguyễn Hải D 01 ví giả da màu nâu và 01 điện thoại Iphone màu vàng đồng, có sim số thuê bao 0978489389. Thu trên người Nguyễn Văn C 01 điện thoại Iphone màu xám đen, có sim số thuê bao 0972130197.

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 17 giờ ngày 20/9/2018, Nguyễn Hải D gặp Phùng Văn L và Nguyễn Đức A ở Đèn M, huyện H, Thành phố Hà Nội. D rủ L và Đức A tới đến hát tại quán Karaoke Quỳnh Trang ở xã M, huyện Đ. Sau đó, D gọi điện cho một người đàn ông tên là Th và hỏi “có đồ không để cho ít”, Th nói “để xem đã”. Một lúc sau, Th gọi lại cho D bảo “có đồ rồi, lấy bao nhiêu”, D nói “10 viên kẹo, nửa chỉ ke”. Th đồng ý và bảo D đến lấy ma túy nhưng do D bận nên bảo với Th là T sẽ đến lấy. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, Th gọi điện cho Đoàn Việt T đến gặp Th để lấy “đồ”. Sau khi nghe điện thoại của Th thì T lấy xe máy đi luôn, trên đường đi T gọi điện thoại cho D hỏi “anh ở đâu, Th gọi em xuống lấy đồ”. D bảo T “ra đầu làng đi”. Cùng lúc đó, D gọi điện cho Nguyễn Văn C và hẹn C ra đầu làng M, xã Ph. Tại đầu làng M, D bảo T gọi Th xem ở đâu để đi lấy đồ, T hỏi D “lấy bao nhiêu thế anh” thì D trả lời “10 viên kẹo, nửa chỉ ke, để anh em mình đến Quỳnh Trang chơi tí, anh em góp tiền để đi mua”. T chờ D và C đến nhà nghỉ Q thì dừng xe. Tại đây, D và C mỗi người đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng, T bảo “số tiền này chắc không đủ” thì D và C bảo “cứ đi lấy đi, thiếu đâu anh em mình đóng góp trả sau”. T cầm tiền đi gặp Th, khoảng 10 phút sau quay lại bảo với D và C “có đồ rồi” và cất xe máy vào nhà nghỉ, rồi cả bọn thuê taxi đi đến quán Karaoke Quỳnh Trang ở xã M, thuê phòng 403 của quán để hát và sử dụng ma túy. Một lúc sau thì có Hứa Thị S (tên khác là Ngân) là bạn của T; L và Đức A là bạn cùng xã với D, C và T, cùng Cao Thị L và Nguyễn Thị Q (là bạn L) đến hát cùng. Đến khoảng 2 giờ ngày 21/9/2018 cả nhóm rủ nhau về phòng 402 nhà nghỉ Q. Tại đây, T lấy số ma túy gồm 04 viên kẹo và túi Ketamine để lên bàn tivi rồi lấy một phần ma túy trong túi nilon ra đĩa, dùng bật lửa để đốt ma túy cho mọi người cùng sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra lập biên bản và thu giữ vật chứng.

Tại kết luận giám định số 7545/KLGD- PC09 ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hà Nội kết luận: 04 viên nén hình tròn màu vàng, một mặt in hình vương miện, một mặt in chữ Rolex đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 1,695 gam; tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,585 gam; chất bột màu trắng trên đĩa sứ là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,359 gam.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 14/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hải D, Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trong quá trình điều tra. Ngoài ra, các bị cáo cũng khai việc sử dụng ma túy của Phùng Văn L, Nguyễn Đức A, Hứa Thị S và Cao Thị L là do tự mọi người, không có ai bắt ép những người đó sử dụng ma túy cùng với mình. Các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù; xử phạt bị cáo T từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo C từ 15 tháng tù đến 16 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy, 01 thẻ nhựa màu xanh, 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 đĩa sứ màu trắng; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng, 02 điện thoại di động kèm sim thuê bao của D và T; trả lại bị cáo C 01 điện thoại di động, trả lại bị cáo D 01 ví giả da màu nâu, trả lại bị cáo T 01 ví giả da màu nâu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã thực hiện trình tự tố tụng, nội dung ban hành các văn bản và quyết định tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hải D, Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và được chứng minh bằng lời khai những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 17 giờ ngày 20/9/2018, Nguyễn Hải D gọi điện thoại cho một người đàn ông tên là Th hỏi mua ma túy. Đến 20 giờ 40 phút cùng ngày, D đã rủ Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng. D bảo T đến gặp Th mua 10 viên ma túy “kẹo” và nửa chỉ ma túy “ke”. Sau đó, C và D mỗi người đưa

cho T 1.000.000 đồng để T đi mua ma túy. Sau khi T mua được ma túy, cả bọn thuê xe taxi đi đến quán Karaoke Quỳnh Trang ở xã M, thuê phòng số 403 để hát và sử dụng ma túy. Tại đây, D, T và C và một số đối tượng khác đã sử dụng ma túy. Đến khoảng 2 giờ ngày 21/9/2018, các đối tượng rời khỏi phòng hát đi đến nhà nghỉ Q ở khu S, xã Đ, huyện Đ vào phòng thuê số 402 của nhà nghỉ để tiếp tục sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang, thu giữ 04 viên nén màu vàng, giám định là ma túy tổng hợp loại MDMA, tổng khối lượng 1,695 gam và số ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 0,944gam.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hải D, Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C cùng nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng và bị thu giữ với khối lượng nêu trên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người sử dụng. Tệ nạn ma túy là vấn đề nhức nhối của xã hội, đặc biệt là trong tình hình hiện nay; là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác, tạo nên sự bất ổn định cho tình hình trật tự trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn. Các bị cáo cùng đóng góp số tiền như nhau để mua ma túy về sử dụng, tuy nhiên bị cáo D là người khởi xướng và chủ động liên hệ với người đàn ông tên Th để hỏi mua ma túy, sau đó D bảo T liên hệ và đi gặp Th để mua ma túy. Bản thân D có nhân thân xấu, đã từng vi phạm pháp luật và bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc, tuy đã được xóa án nhưng bị cáo không lấy việc đó làm bài học để sửa mình mà vẫn tiếp tục chơi bời, tàng trữ ma túy để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Như vậy, D có vai trò đầu vụ và phải chịu mức hình phạt cao hơn. Bị cáo T là người tích cực thực hiện tội phạm, trực tiếp đi mua ma túy về để cùng với D, C và những người khác sử dụng nên T có vị trí thứ hai và cuối cùng là bị cáo C.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 của Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T và bị cáo C phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án và tiền sự nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo là người lao động tự do không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với Nguyễn Đức A, Phùng Văn L, Hứa Thị S và Cao Thị L, kết quả điều tra đã xác định những người trên có sử dụng ma túy, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính những người trên là đúng pháp luật. Người đàn ông có tên là Th đã bán ma túy cho các bị cáo, Cơ quan điều tra đã T hành điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định nên không có cơ sở để xử lý.

[5]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định, 01 thẻ nhựa màu xanh, 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ và 01 chiếc đĩa sứ, cần tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng là 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, vàng có số thuê bao 0989800961 của Đoàn Việt T, 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đồng có số thuê bao 0978489389 của Nguyễn Hải D, đây là tiền và tài sản có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Điện thoại di động Iphone màu xám đen có số thuê bao 0972130197 của Nguyễn Văn C, 01 ví giả da màu nâu của Nguyễn Hải D, 01 ví giả da màu nâu của Đoàn Việt T, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại các bị cáo.

[6]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải D 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo D được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 24/9/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Việt T 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo T được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 29/9/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo C được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 24/9/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 bao gói niêm phong có chứa ma túy còn lại sau giám

định, 01 thẻ nhựa màu xanh, 01 bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu Hoa Việt, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 30cm. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, vàng lắp sim có số thuê bao 0989800961 của Đoàn Việt T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng lắp sim có số thuê bao 0978489389 của Nguyễn Hải D.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đen lắp sim số thuê bao 0972130197; trả lại Nguyễn Hải D 01 ví giả da màu nâu; trả lại Đoàn Việt T 01 ví giả da màu nâu (Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2019 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Số tiền 3.000.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15/01/2019).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Hải D, Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hải D, Đoàn Việt T và Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- CQ THAHS huyện Đ;
- Bị cáo,.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền

